

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 01-IY/LTV/2025

KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI

2025

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-IY/LTV/2025.

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte Việt Nam đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI

2. Thành phần:

Nước, siro bắp, đường, bột gạo nếp 9%, cốt (puree) xoài 5%, dầu thực vật (dầu cọ, dầu dừa), bột sữa tách béo, tinh bột bắp, bột lòng trắng trứng, muối, chất nhũ hóa (INS 471), chất ổn định (INS 417, INS 414, INS 412, INS 410, INS 406), chất điều chỉnh độ axit (INS 330), tinh bột biến tính (INS 1404), hương liệu xoài (tự nhiên, giống tự nhiên, nhân tạo), chất tạo màu tự nhiên (INS 160c(ii)).

**Thông tin lưu ý: Sản phẩm có chứa sữa, trứng. Có thể chứa đậu nành, lúa mì, gluten. Không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.*

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng

Ngày sản xuất (ngày. tháng. năm): Xem Manufacturing Date (MD).

Hạn sử dụng (ngày. tháng. năm): Xem Best Before (BB) in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Sản phẩm được đóng gói trong mỗi hộp 3 khay, mỗi khay có 3 viên kem. Bên ngoài là hộp giấy.

Khối lượng tịnh: 191,7 g (21,3 g x 9 viên) /hộp.

Thể tích thực: 70 ml (30 ml x 9 viên) /hộp.



Thùng 8 hộp: 1,53 kg/thùng .

4.2. Chất liệu bao bì:

Nắp khay: LLDPE 20 μ chuyên dùng cho thực phẩm.

Khay: PP/PP/PE 0.43 mm chuyên dùng cho thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Nhật Bản
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH Lotte.
Địa chỉ: 20-1, Nishi-Shinjuku 3 chome, Shinjuku-ku, Tokyo 160-0023, Nhật Bản.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty TNHH Lotte Việt Nam.
Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm.)

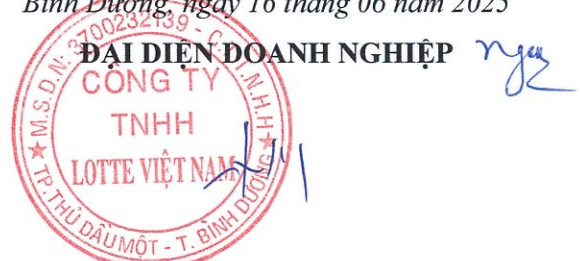
IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Căn cứ theo thông tư 29/2023/TT - BYT : Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT – BYT: Quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn Nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 16 tháng 06 năm 2025



Tổng Giám Đốc
OGAWA TAKAAKI

TIÊU CHUẨN

KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI

Số: 01-IY/LTV/2025

1. CHỈ TIÊU CẢM QUAN:

STT	Chỉ tiêu	Mô tả
1	Hình thái	Viên kem hình tròn, đều, bên ngoài lớp vỏ bánh gạo mochi.
2	Trạng thái	Dạng kem đông lạnh, đồng nhất, mịn,
3	Màu sắc	Màu sắc đặc trưng của từng loại sản phẩm
4	Mùi	Đặc trưng sản phẩm, không có mùi lạ
5	Vị	Vị đặc trưng sản phẩm, không có vị lạ
6	Tạp chất	Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường

2. **CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG:** Áp dụng QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn kim loại nặng dùng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,1$
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	≤ 1
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

3. CHỈ TIÊU VI SINH: Áp dụng QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^4$
2	Coliform	CFU/g	≤ 20
3	E. Coli	CFU/g	$\leq 10^2$
4	Enterobacteriaceae	CFU/g	≤ 10
5	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	≤ 10
6	Salmonella	/25 g	KPH
7	L. monocytogens	CFU/g	$\leq 10^2$

4. GIỚI HẠN ĐỘC TỐ VI NẤM TRONG THỰC PHẨM: Áp dụng QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	≤ 2
2	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1 và G2)	$\mu\text{g/kg}$	≤ 4
3	AflatoxinM1	$\mu\text{g/kg}$	$\leq 0,5$
4	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	≤ 3
5	Deoxynivalenol	$\mu\text{g/kg}$	≤ 750
6	Zearalenone	$\mu\text{g/kg}$	≤ 75

Bình Dương, ngày 16 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÔNG TY
TNHH
LOTTE VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC
OGAWA TAKAAKI

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG
KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI

Số: 01-IY/LTV/2025

Bảng tiêu chuẩn dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Khoảng giá trị dinh dưỡng cho phép trên 21,3 g	Giá trị dinh dưỡng trên 21,3 g (trên nhãn phụ)
1	Năng lượng	kcal	41 – 61	51
2	Chất đạm	g	0,30 – 0,44	0,37
3	Carbohydrat	g	8,08 – 12,12	10,10
4	Đường tổng số	g	4,87 – 7,31	6,09
5	Chất béo	g	0,77 – 1,15	0,96
6	Natri	mg	3,80 – 5,70	4,75

Bình Dương, ngày 16 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÔNG TY
TNHH
LOTTE VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC
OGAWA TAKAAKI

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI
Hương	Xoài
Loại bao bì	Hộp
Khối lượng tịnh	191,7 g (21,3 g x 9 viên)
Thể tích thực	270 ml (30 ml x 9 viên)



Phê duyệt TGD 	Phê duyệt Phó GĐNM 	Kiểm tra thiết kế Marketing 	Kiểm tra nội dung Phòng QA
	Hồ Thị Kim Ngân	Mai Trung Hiếu	Phạm Thị Kim Anh

Tổng Giám Đốc
OGAWA TAKAAKI

Sản phẩm	KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI
Hương	Xoài
Loại bao bì	Hộp
Khối lượng tịnh	191,7 g (21,3 g x 9 viên)
Thể tích thực	270 ml (30 ml x 9 viên)

NHÃN PHỤ

KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI

Thành phần: Nước, siro bắp, đường, bột gạo nếp 9%, cốt (puree) xoài 5%, dầu thực vật (dầu cọ, dầu dừa), bột sữa tách béo, tinh bột bắp, bột lòng trắng trứng, muối, chất nhũ hóa (INS 471), chất ổn định (INS 417, INS 414, INS 412, INS 410, INS 406), chất điều chỉnh độ axit (INS 330), tinh bột biến tính (INS 1404), hương liệu xoài (tự nhiên, giống tự nhiên, nhân tạo), chất tạo màu tự nhiên (INS 160c(ii)).

Thông tin lưu ý: Sản phẩm có chứa sữa, trứng. Có thể chứa đậu nành, lúa mì, gluten. Không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc đã hết hạn sử dụng. **Thông tin dinh dưỡng cho 1 khẩu phần ăn** (trên 21,3 g):

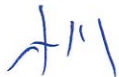
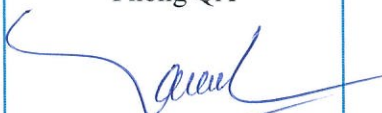
Năng lượng 51 kcal; Chất đạm 0,37 g; Carbohydrat 10,10 g; Đường tổng số 6,09 g; Chất béo 0,96 g; Natri 4,75 mg. **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng ăn trực tiếp. Sau khi lấy sản phẩm ra khỏi tủ đông, chờ vài phút để

thường thức lớp vỏ bánh gạo (mochi) dẻo hơn. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nhiệt độ $\leq -18^{\circ}\text{C}$.

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty TNHH Lotte Việt Nam. Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam – Điện thoại: 0274-3827470. **Số điện thoại tư vấn khách hàng:** 028-38479616. **Nhà sản xuất:** Công ty TNHH Lotte. Địa chỉ: 20-1, Nishi-Shinjuku 3 chome, Shinjuku-ku, Tokyo, 160-0023, Nhật Bản. **Xuất xứ:** Nhật Bản. **Tự công bố sản phẩm số:** 01-IY/LTV/2025.

Ngày sản xuất (ngày. tháng. năm): Xem MD; **Hạn sử dụng** (ngày. tháng.năm): Xem (BB) in trên bao bì.

Khối lượng tịnh: 191,7 g (21,3 g x 9 viên). **Thể tích thực:** 270 ml (30 ml x 9 viên)

Phê duyệt TGD 	Phê duyệt Phó GĐNM  Hồ Thị Kim Ngân	Kiểm tra thiết kế Marketing  Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng QA  Phạm Thị Kim Anh
---	---	--	--

Tổng Giám Đốc
OGAWA TAKAAKI

KT3-04534ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/06/2025
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI
YUKIMI DAIFUKU MANGO (9PCS)
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 27/05/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 27/05/2025 - 04/06/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM
Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-03/03

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-04534ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

04/06/2025
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng chì, Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	QTTN/KT3 064:2016	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng aflatoxin M1, Aflatoxin M1 content	QTTN/KT3 242:2019	0,02	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng aflatoxin B1, Aflatoxin B1 content	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 + G1 + G2), Total aflatoxin content	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng zearalenone, Zearalenone content	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	15	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), Deoxynivalenol content	QTTN/KT3 089:2018	20	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng ochratoxin A, Ochratoxin A content	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện Not detected
7.11. Enterobacteriaceae, CFU/g	ISO 21528-2 : 2017	-	Nhỏ hơn $10^{(1)}$ Less than
7.12. Salmonella spp /25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-	Không phát hiện Not detected

Handwritten signature

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The testing laboratory has been accredited by the Vietnam Accredited (BoA)-Vietnam to conform with ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). The test items with (*) are not yet accredited.

KT3-04534ATP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/06/2025
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.13. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-	2,0 x 10 ¹
7.14. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.15. <i>E. Coli</i> , CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.16. Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase, CFU/g (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác)	ISO 6888-1:2021/ Amd- 1:2023	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.17. <i>Listeria monocytogenes</i> , CFU/g	ISO 11290 – 2 : 2017	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>

Ghi chú/ Note: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The testing laboratory has been accredited by the Vietnam Accreditation (BoA) in accordance with ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Items marked with () are not accredited.*

KT3-04534ATP5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2025
Page 01/04

1. Tên mẫu
Name of sample : **KEM YUKIMI DAIFUKU XOÀI**
YUKIMI DAIFUKU MANGO (9PCS)
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 27/05/2025 - 04/06/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-04/04*

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

KT3-04534ATP5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2025
Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ Calories(*) • kcal/100 g • kJ/100 g	QTTN/KT3 024:2018		- - -	238 996 1,74
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method		-	47,6
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g Carbohydrate excluding fibre content	AOAC 2020.07		-	28,6
7.4. Hàm lượng đường tổng số ⁽¹⁾ , g/100 g Total sugar content	QUATEST3 1222:2024		-	4,50
7.5. Hàm lượng béo, g/100 g Total fat content	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		-	22,3
7.6. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(1): Hàm lượng đường tổng số (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose + galactose)

te

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

KT3-04534ATP5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/06/2025
Page 03/04

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)
Nutrition Facts (as client's requirement)
Thông tư số 29/2023/TT-BYT

Thành phần dinh dưỡng (Nutrition Facts)		
Thành phần dinh dưỡng trong 100 g (Nutrition facts per 100 g)		
		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	238 kcal	11,9 %
Protein	1,74 g	3,48 %
Carbohydrat (Carbohydrate)	47,6 g	14,6 %
Đường tổng số (Total sugars)	28,6 g	
Chất béo (Total Fat)	4,50 g	8,04 %
Natri (Sodium)	22,3 mg	1,12 %

Signature

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

KT3-04534ATP5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/06/2025

Page 04/04

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)

Nutrition Facts (as client's requirement)

Thông tư số 29/2023/TT-BYT

Thành phần dinh dưỡng (Nutrition Facts)

Thành phần dinh dưỡng trong 21,3 g (Nutrition facts per 21,3 g)

		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	50,7 kcal	2,54 %
Protein	0,37 g	0,74 %
Carbohydrat (Carbohydrate)	10,1 g	3,11 %
Đường tổng số (Total sugars)	6,09 g	
Chất béo (Total Fat)	0,96 g	1,71 %
Natri (Sodium)	4,75 mg	0,24 %

Signature

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.